



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

VIETNAM SANITARY AND PHYTOSANITARY NOTIFICATION AUTHORITY AND ENQUIRY POINT



BẢN TIN SPS VIỆT NAM

SỐ 01, THÁNG 9, 2020

CƠ QUAN XUẤT BẢN: VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

- ♦ Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và Văn phòng SPS Việt Nam.
- ♦ An toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật - Một số định hướng thúc đẩy xuất khẩu vào thị trường EU.



- ♦ Xuất khẩu thủy sản vào thị trường Liên minh Châu Âu sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực.
- ♦ Xuất khẩu nông sản Việt Nam thách thức từ các biện pháp phi thuế quan.

BẢN TIN SPS VIỆT NAM

Cơ quan chủ quản

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. Lê Thanh Hòa

Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam

Ban biên tập

TS. Ngô Xuân Nam - Trưởng Ban

(Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam)

ThS. Nguyễn Quốc Chính

KS. Nguyễn Tử Cương

ThS. Trần Thùy Dung

TS. Nguyễn Thu Hồng

ThS. Trần Diễm Hồng

KS. Lê Anh Ngọc

ThS. Trần Thị Tú Oanh

PGS. TS. Nguyễn Anh Thu

ThS. Vũ Thị Hải Yến

Thư ký Ban biên tập

TS. Đào Văn Cường

Văn phòng SPS Việt Nam,

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình,
Hà Nội

Điện thoại: 024 37344764, Fax: 024 37349019

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: www.spsvietnam.gov.vn

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số: 19/GP-XBBT ngày 12/3/2020

của Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền Thông

In 1.000 cuốn, khổ 19x27

CHUYÊN MỤC

Thông tin - Hoạt động

- Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)
và Văn phòng SPS Việt Nam 03
- An toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật
Một số định hướng thúc đẩy xuất khẩu vào thị trường EU 11

Ý kiến - Trao đổi

- Xuất khẩu thủy sản vào thị trường Liên minh
Châu Âu-EU sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực 18
- Xuất khẩu nông sản Việt Nam thách thức từ các
biện pháp phi thuế quan 24

Văn bản mới

- Dự thảo qui định về SPS của các nước thành viên
WTO trong tháng 9/2020 28



(Ảnh: nguồn internet)

TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO) VÀ VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

TS. Lê Thanh Hòa

Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam



Tháng 8 năm 1995, tiến trình Hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới bắt đầu với việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á và nộp đơn gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Sau gần 13 năm đàm phán gia nhập WTO, ngày 11/01/2007, Việt Nam là thành viên chính thức thứ 150 của WTO mở ra trang mới cho quá trình hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Với cam kết thực thi toàn diện Hiệp định về Áp dụng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (Hiệp định SPS), từ

trước khi chính thức gia nhập WTO, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 99/2005/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2005 thành lập Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật Việt Nam thực thi nghĩa vụ minh bạch hóa liên quan đến việc thông báo dự thảo các biện pháp SPS do cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc lĩnh vực SPS ban hành, tiếp nhận các góp ý và yêu cầu của các quốc gia thành viên đối với các dự thảo biện pháp SPS của Việt Nam, cũng như tiếp nhận thông báo dự thảo các biện pháp của các nước thành viên để góp ý và định hướng trong việc đáp ứng với các biện pháp SPS của các nước thành viên, nhằm giảm thiểu những vướng mắc trong thương mại nông sản thực phẩm quốc tế.

Trong bản tin đầu tiên của Văn phòng SPS Việt Nam, chúng tôi xin sơ lược về hình thành và phát triển của WTO và Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng SPS Việt Nam.

Quá trình hình thành

Năm 1947, sau Chiến tranh thế giới lần thứ II, nhằm khôi phục nền kinh tế thế giới, 23 quốc gia có nền kinh tế phát triển đã thống nhất ký kết tham gia “Hiệp định chung về Thương mại và Thuế quan (Hiệp định GATT). Các nước tham gia Hiệp định GATT với cam kết cắt giảm thuế và giảm thiểu các rào cản trong thương mại đã thúc đẩy việc trao đổi hàng hóa giữa các quốc gia thành viên.

Hàng năm, những quốc gia là thành viên chính thức của Hiệp định GATT sẽ xem xét kết nạp các thành viên mới. Các nước muốn gia nhập Hiệp định này, phải cam kết tuân thủ đúng các nguyên tắc quy định của Hiệp định. Đến 1994, có tổng số 125 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia là thành viên của Hiệp định GATT.

1947

Mở rộng phạm vi hoạt động và đổi tên thành WTO

Năm 1994, đứng trước nhu cầu phát triển nền kinh tế thế giới không chỉ giới hạn ở phạm vi thương mại trao đổi hàng hóa thông thường, mà cần phải được mở rộng ra nhiều lĩnh vực khác như đầu tư và thương mại dịch vụ 125 quốc gia, vùng lãnh thổ là thành viên của Hiệp định GATT đã đàm phán và thông qua hơn 30 hiệp định điều chỉnh cho từng lĩnh vực cụ thể và cùng với đó ngày 01 tháng 01 năm 1995, thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Chính thức từ thời điểm này, việc kết nạp thành viên mới phải tuân theo các quy định rất chặt chẽ.

Về cơ bản các quốc gia mong muốn gia nhập WTO, phải hoàn tất 3 nhóm công việc, cụ thể:

1

Rà soát, so sánh nội dung các văn bản luật hiện có (đặc biệt là các nội dung có liên quan đến rào cản thuế quan và phi thuế quan) của nước mình với các Hiệp định của WTO, để quốc gia xin gia nhập bổ sung, điều chỉnh hoặc xây dựng mới và ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của nước mình đảm bảo tính tương đương với quy định của WTO;

2

Hội nghị đa phương với tất cả các nước thành viên WTO về nội dung các văn bản quy phạm pháp luật và thảo luận về hài hòa quy định và các dòng thuế của quốc gia xin gia nhập WTO với các dòng thuế theo quy định của WTO;

3

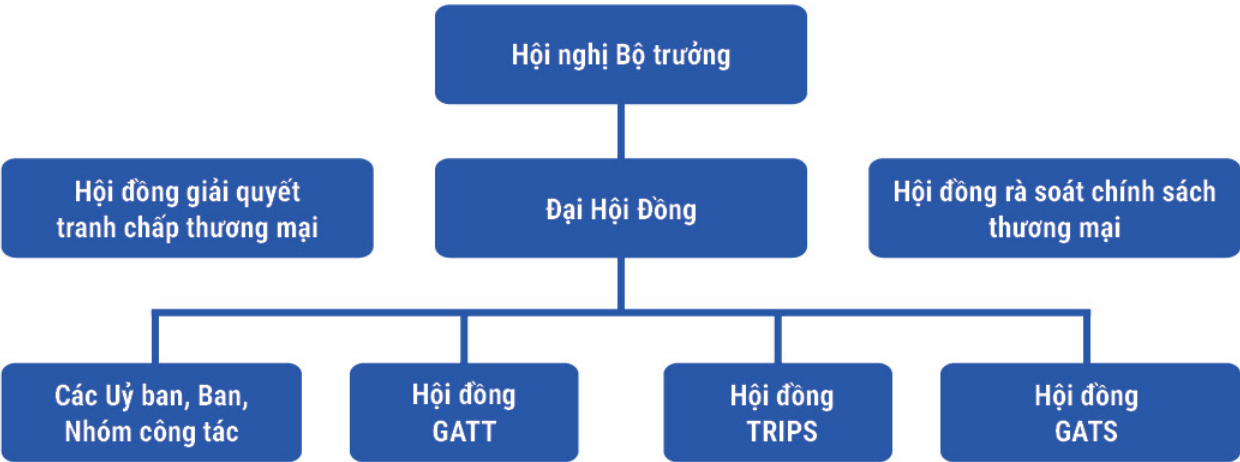
Hội nghị song phương với từng quốc gia thành viên (có yêu cầu đàm phán) nhằm hài hòa lợi ích với quốc gia yêu cầu đàm phán với lợi ích của quốc gia xin gia nhập WTO;

Cơ sở pháp lý của WTO

WTO đã ban hành trên 30 Hiệp định điều chỉnh các hoạt động thương mại giữa các quốc gia thành viên liên quan đến thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, bảo hiểm, ngân hàng, tài chính, giám sát việc thực thi chính sách đã cam kết ở từng quốc gia thành viên, xử lý tranh chấp thương mại giữa các quốc gia thành viên.... trong đó liên quan trực tiếp đến thương mại hàng hóa có những Hiệp định sau đây:

STT	Viết tắt	Tên Hiệp định	
		Tiếng Anh	Tiếng Việt
1	GATT	General Agreements on Tariff and Trade	Hiệp định chung về thuế quan và thương mại
2	GATS	General Agreement on Trade in Services	Hiệp định chung về thương mại dịch vụ
3	TRIPS	Trade-Related aspects of Intellectual Property Rights	Hiệp định thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ
4	TBT	Technical Barriers to Trade	Hiệp định về rào cản kỹ thuật trong thương mại.
5	SPS	Sanitary and Phytosanitary	Hiệp định về áp dụng biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật

Cơ cấu tổ chức của WTO



Mục tiêu của WTO

Xây dựng hệ thống thương mại tự do và cạnh tranh bình đẳng giữa các quốc gia thành viên.

Chức năng của WTO



Giám sát chính sách
thương mại của nước
thành viên

Hỗ trợ kỹ thuật cho
nước thành viên đang
phát triển

Hợp tác với tổ chức quốc
tế (CODEX Alimentarius
FAO/WHO thành lập; OIE;
IPPC,...)

Các loại rào cản trong quan hệ thương mại quốc tế trước và sau khi là thành viên của WTO

TT	Các loại rào cản	Trước khi hội nhập	Sau khi hội nhập
1	Thuế	Mỗi nước áp mức thuế khác nhau đối với hàng hoá nhập khẩu để bảo hộ hàng hoá nội địa và ngược lại	Cắt giảm tới mức ngang bằng qui định của WTO
2	Hạn ngạch (Quota)		Bị dỡ bỏ
3	Kỹ thuật (TBT)		Đã được quy định thành hiệp định của WTO
4	An toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS)		Đã được quy định thành Hiệp định của WTO
5	Các loại rào cản khác: - Chống cạnh tranh không bình đẳng - Chống bán phá giá - Chống vi phạm nhãn hiệu, bản quyền - Chống vi phạm kiểu dáng công nghiệp...		

Giới thiệu về Hiệp định An toàn thực phẩm và Kiểm dịch động, thực vật (SPS)

Tên gọi

Hiệp định An toàn thực phẩm và Kiểm dịch động, thực vật (Agreement on Application of Sanitary and Phytosanitary measures)

Cấu trúc của Hiệp định

- Hiệp định gồm 14 điều và 3 phụ lục
- Nội dung: Quy định các quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc áp dụng các biện pháp SPS trong thương mại hàng hóa nông lâm sản, thủy sản và thực phẩm giữa các quốc gia, qui định các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế là cơ sở cho các nước thành viên áp dụng nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm và tránh lây lan dịch bệnh mà vẫn thúc đẩy thương mại và không tạo nên các rào cản không cần thiết trong thương mại quốc tế.

Các nguyên tắc cơ bản của SPS:

- CƠ SỞ KHOA HỌC
- MINH BẠCH
- ÁP DỤNG Ở MỨC ĐỘ CẦN THIẾT
- KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ
- HÀI HÒA VỚI CÁC TIÊU CHUẨN, HƯỚNG DẪN VÀ KHUYẾN NGHỊ CỦA CÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Các lĩnh vực điều chỉnh của SPS

STT	Lĩnh vực điều chỉnh	Nội dung kiểm soát
1	An toàn thực phẩm	Các mối nguy gây mất an toàn thực phẩm (vật lý, hóa học, sinh học)
2	Kiểm dịch động, thực vật	Lây nhiễm sâu hại và dịch bệnh (dịch bệnh trên động và thực vật do virus, vi khuẩn, nấm mốc), dịch bệnh do virus, vi khuẩn lây truyền từ động, thực vật sang người, các loại ký sinh trùng trên động, thực vật)
3	An toàn môi trường	Các loài động vật và thực vật có nguy cơ xâm nhiễm và gây hại cho hệ sinh thái

Xây dựng, lấy ý kiến và ban hành các quy định về chỉ tiêu và mức giới hạn an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật

Kể từ khi là thành viên của WTO, các quốc gia thành viên phải thực hiện theo đúng trình tự và thủ tục đã được quy định trong Hiệp định SPS của WTO, cụ thể như sau:

Xây dựng các chỉ tiêu và mức giới hạn an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật

Khi nghiên cứu xây dựng các chỉ tiêu và mức giới hạn an toàn thực phẩm các quốc gia thành viên trước hết cần xem xét áp dụng các mức giới hạn do Ủy ban CODEX (tổ chức do FAO và WHO phối hợp thành lập) công bố theo 4 lĩnh vực như sau:

STT	Viết tắt	Nội dung kiểm soát	Tên tiếng Việt
1	CCFH	Codex Committee on Food Hygiene	Ủy ban Codex về chỉ tiêu và mức giới hạn an toàn thực phẩm
2	JECFA	Joint FAO/WHO Expert Committee on Food Additives	Ủy ban hỗn hợp FAO/ WHO về phụ gia thực phẩm
3	JEMRA	Joint FAO/WHO Expert Committee on Microbiological Risk Assessment	Ủy ban hỗn hợp FAO/ WHO về đánh giá nguy cơ vi sinh vật
4	JPMR	Joint FAO/WHO Expert Committee on Food Pesticide	Ủy ban hỗn hợp FAO/ WHO về dư lượng thuốc bảo vệ thực phẩm

Khi nghiên cứu xây dựng các chỉ tiêu và mức giới hạn về kiểm dịch động và thực vật, các quốc gia thành viên trước hết cần xem xét áp dụng các mức

giới hạn do IPPC (Tổ chức công ước quốc tế về bảo vệ thực vật) và OIE (Tổ chức bảo vệ sức khỏe động vật thế giới), chi tiết như sau:

STT	Viết tắt	Nội dung kiểm soát	Tên tiếng Việt
1	IPPC	The International Plant Protection Convention	Công ước quốc tế về Bảo vệ thực vật, thuộc FAO
2	OIE	World Organizations for Animal Health	Tổ chức Thú y thế giới

Theo Hiệp định SPS của WTO và Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn của Việt Nam: Tất cả các văn bản quy định về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật trên cạn và dưới nước, đều có tên gọi là **“Quy chuẩn kỹ thuật”**

Lấy ý kiến các quốc gia thành viên cho các dự thảo

Tất cả các dự thảo biện pháp SPS bao gồm Luật, Nghị định, Thông tư, Quyết định, Văn bản chỉ đạo liên quan đến an toàn thực phẩm và kiểm dịch động vật và thực vật của một nước thành viên phải được thông báo cho tất cả các nước thành viên khác, sử dụng Biểu mẫu theo quy định của Ủy ban SPS/WTO và xử dụng một trong 3 ngôn ngữ chính thức của WTO là Tiếng Anh, Tiếng Pháp và Tiếng Tây Ban Nha, thông thường các quốc gia đều sử dụng Tiếng Anh điền biểu mẫu thông báo. WTO không yêu cầu bắt buộc các quốc gia thành viên phải dịch toàn bộ dự thảo biện pháp SPS sang tiếng Anh, tiếng Pháp

và tiếng Tây Ban Nha (trừ khi ngôn ngữ quốc gia đó là một trong 3 ngôn ngữ WTO sử dụng). Theo quy định của WTO, thời gian để các quốc gia thành viên có quan tâm góp ý đối với dự thảo biện pháp SPS của bất kỳ quốc gia nào là 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo chính thức từ Ủy ban SPS/WTO và khi nhận được yêu cầu từ Văn phòng thông báo của quốc gia thành viên. Trong trường hợp quốc gia có quan tâm yêu cầu có thêm thời gian để góp ý, cần gửi yêu cầu trực tiếp đến Văn phòng thông báo SPS của quốc gia dự thảo. Quốc gia dự thảo theo quy định phải có nghĩa vụ xem xét tiếp thu và phản hồi các góp ý của các quốc gia thành viên.

Ban hành các quy định liên quan tới biện pháp SPS của Việt Nam

Sau khi dự thảo các văn bản pháp lý quy định về SPS chuẩn bị được ban hành thì nội dung văn bản dự thảo phải được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng SPS Việt Nam và sau khi thông báo cho Ủy ban SPS/WTO, thông báo đó cũng được đăng tải trên trang cơ sở dữ liệu về SPS của Ủy ban SPS/WTO.

Văn phòng SPS Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 99/2005/QĐ-TTg ngày 09/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ trước khi Việt Nam là thành viên của WTO 2 năm.



Văn phòng SPS Việt Nam



Văn phòng SPS Việt Nam với tên gọi đầy đủ là: **Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật Việt Nam** trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thành lập theo Quyết định số 99/2005/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ với chức năng giúp Chính phủ điều hành các hoạt động thực thi nghĩa vụ minh bạch hóa theo Điều 7 và Phụ lục B của Hiệp định SPS/WTO, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã ban hành Quyết định số 5272/QĐ-BNN-TCCB ngày 18/12/2017, quy định cụ thể chức năng và nhiệm vụ của Văn phòng SPS Việt Nam.

Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Sanitary and Phytosanitary Notification Authority and Enquiry Point.

Trụ sở: Nhà A3, Số 10, phố Nguyễn Công Hoan, quận Ba Đình, Hà Nội

Chức năng: Văn phòng SPS Việt Nam có chức năng làm đầu mối thực hiện các nghĩa vụ minh bạch hóa theo yêu cầu của Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (Hiệp định SPS) của WTO và đầu mối về SPS khi thực thi các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia; thông báo và hỏi đáp các nội dung và quy định về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật (SPS); yêu cầu các nước thành viên WTO cung cấp thông tin về các biện pháp, thủ tục đánh giá rủi ro, thanh tra, kiểm tra và thông quan các vấn đề liên quan về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật.

Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Về nhiệm vụ đầu mối thông báo các quy định về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật:
 - Thông báo các quy định, biện pháp thay đổi về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật của Việt Nam đến Ban thư ký WTO, các tổ chức quốc tế, các đối tác thương mại theo Hiệp định Thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết (sau đây gọi tắt là WTO và các tổ chức quốc tế);
 - Tiếp nhận, cung cấp thông tin, thông báo, bản sao tài liệu về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật của các thành viên WTO và các tổ chức quốc tế cho các Bộ, Ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan trong nước theo quy định.

- Về nhiệm vụ đầu mối hỏi đáp các quy định về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật:
 - Tiếp nhận, trả lời các câu hỏi và cung cấp tài liệu về các biện pháp, thủ tục đánh giá rủi ro; quy trình sản xuất và kiểm dịch; các thỏa thuận song phương và đa phương và các vấn đề khác liên quan đến vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật cho WTO và các tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật Việt Nam; quy định của WTO và các tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
 - Đề nghị WTO, các nước thành viên của WTO và các tổ chức quốc tế trả lời câu hỏi, cung cấp thông tin, tài liệu về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật theo quy định.
- Tổ chức thiết lập và duy trì mạng lưới thông tin quốc gia SPS giữa Văn phòng SPS Việt Nam với các đầu mối, các điểm hỗ trợ kỹ thuật về thông báo, hỏi đáp của Bộ, ngành có liên quan với WTO và các tổ chức quốc tế.
- Hướng dẫn nghiệp vụ, phổ biến kinh nghiệm về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của WTO và các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết.
- Ký kết, thực hiện các dự án, hợp đồng cung cấp thông tin, tư vấn trong lĩnh vực SPS với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên theo quy định của pháp luật.
- Xây dựng chương trình, chuẩn bị nội dung, tài liệu cho các cuộc đàm phán, hội nghị, hội thảo về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật thuộc nhiệm vụ được giao theo quy định.
- Theo dõi, tổng hợp báo cáo về minh bạch hóa, thông báo, hỏi đáp về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật theo quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của WTO và các tổ chức quốc tế.
- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng phương án, tham gia đàm phán các Hiệp định song phương và đa phương liên quan đến vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật.
- Đề xuất Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc điều phối mạng lưới SPS Việt Nam để tham mưu thực hiện các chủ trương, chính sách và triển khai, áp dụng, xử lý các biện pháp SPS trong thương mại quốc tế.
- Đầu mối liên lạc, chủ trì, phối hợp với các tổ chức quốc tế, song phương và đa phương hoạt động về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật ở Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ được giao theo quy định.
- Thực hiện nhiệm vụ đầu mối Thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, vị trí việc làm, số lượng viên chức; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật theo phân cấp của Bộ và quy định của pháp luật.
- Quản lý tài chính, tài sản và các nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.



(Ảnh: nguồn internet)

AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG EU

TS. Ngô Xuân Nam

Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam



(Ảnh: nguồn internet)

Giới thiệu chung về thị trường EU và EVFTA

EU là một trong những thị trường quan trọng của Việt Nam, đây là thị trường lớn và tiềm năng với dân số khoảng 446 triệu người, tổng GDP đạt 15 nghìn tỷ USD (theo số liệu của EU năm 2017), theo thống kê của Bộ Công Thương, EU hiện đang là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 và là đối tác thương mại lớn thứ 4 của Việt Nam trên thế giới với tăng trưởng thương mại giai đoạn 2000-2015 đạt 20% và giai đoạn 2015-2018 đạt 10%. Việt Nam

sẽ có cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu hơn nữa vào thị trường này khi Việt Nam và EU đã chính thức ký kết hiệp định thương mại EVFTA ngày 30/6/2020 với 48,5% dòng thuế nhập khẩu được xóa bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực và sau 10 năm sẽ có đến 99% các dòng thuế được loại bỏ (theo Bộ Tài chính). Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực xuất khẩu vào EU trong những năm gần đây như sau:

STT	Ngành hàng	Giá trị XK năm (USD)		
		2017	2018	2019
1	Thủy sản		1.435.562.420	1.247.589.458
2	Hạt điều	944.494.982	818.658.532	762.511.575
3	Cà phê		1.344.560.592	1.164.243.162
4	Hồ tiêu	156.535.297	105.403.327	102.601.127
5	Rau quả	106.383.806	11.5343.334	148.187.958

(Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương Mại)

Khái quát về Quy định về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật của EU

EU là thị trường rộng lớn, cơ hội rất rộng mở để các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu. Tuy nhiên trước những cơ hội thì những thách thức cũng không hề nhỏ, được hiểu đây là thị trường khó tính bậc nhất với những quy định về SPS rất cao và kiểm soát rất chặt chẽ, đặc biệt với mặt hàng nông, lâm và thủy sản thì bắt buộc hàng hóa của các nước xuất khẩu phải đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật.

Quy định của EU, hàng hóa nhập khẩu phải đáp ứng các điều kiện về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật nhằm mục đích bảo vệ con người và sức khỏe động, thực vật.

Để thực thi, EU đặt ra các quy tắc kiểm soát chính và được chia thành 2 quy định sẽ được thực thi bởi các cơ quan có thẩm quyền, bao gồm:

- Kiểm soát chính thức nhằm đảm bảo xác minh sự tuân thủ Luật thức ăn chăn nuôi và thực phẩm, sức khỏe động vật và quy tắc đối xử với động vật;
- Các quy tắc đặc biệt cho việc tổ chức kiểm soát chính thức trên các sản phẩm có nguồn gốc động vật nhằm mục đích cho con người.
- Ngoài ra có thể tìm hiểu thêm:
 - Hướng dẫn các quy định nhập khẩu và những quy tắc mới đối với vệ sinh thực phẩm và kiểm soát chính thức với thực phẩm;
 - Quy định tăng cấp độ kiểm soát chính thức đối với một số loại thức ăn chăn nuôi, thực phẩm và sản phẩm không có nguồn gốc từ động vật nhập khẩu.

Quy định của EU về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật

Quy định về an toàn thực phẩm và thức ăn chăn nuôi

Việc nhập khẩu thực phẩm phải tuân theo các điều kiện chung, bao gồm:

- Nguyên tắc chung và yêu cầu của Luật thực phẩm đối với tất cả các giai đoạn sản xuất và phân phối thực phẩm và thức ăn chăn nuôi (Quy định (EC) số 178/2002-mục 4);
- Truy xuất nguồn gốc - nhà nhập khẩu các sản phẩm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi phải được xác định và đăng ký với nhà cung cấp của nước sản xuất (Quy định (EC) số 178/2002 - điều 18);

- Quy định chung của vệ sinh thực phẩm và chi tiết kỹ thuật của vệ sinh thực phẩm có nguồn gốc động vật;
- Quy định tiêu chí vi sinh đối với thực phẩm;
- Quy định mức dư lượng thuốc trừ sâu, thuốc thú y và các chất gây ô nhiễm có trong thực phẩm;
- Quy định đặc biệt về thực phẩm và thức ăn chăn nuôi biến đổi gen, các protein sinh học và các loại thực phẩm mới;
- Quy định đặc biệt với một số nhóm sản phẩm

thực phẩm (ví dụ nước khoáng, cô ca, thực phẩm đông lạnh nhanh) và những thực phẩm cho một số nhóm người nhất định (ví dụ như thực phẩm cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ);

- Các quy định cụ thể đối với tiếp thị và ghi nhãn mác của nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thức ăn hỗn hợp và thức ăn chăn nuôi dành cho các mục đích dinh dưỡng riêng;
- Các quy định chung đối với nguyên liệu được đưa vào tương tác trong thực phẩm;

Nếu có một vấn đề rủi ro nghiêm trọng có thể xảy ra đối với người và động vật hoặc môi trường ở một quốc gia ngoài (EU), EU sẽ phê chuẩn các biện pháp bảo vệ đặc biệt đồng thời áp dụng mạnh mẽ những điều kiện đặc biệt như cấm nhập khẩu tất cả hoặc một phần từ những nước được cho là có thể gây ra rủi ro.

Ngoài ra có thể tìm hiểu thêm:

- Các điều kiện nhập khẩu liên quan đến an toàn thực phẩm
- Hướng dẫn yêu cầu nhập khẩu và các quy định mới trong vệ sinh thực phẩm và các biện pháp kiểm soát chính thức:
- Thức ăn chăn nuôi
- Luật thực phẩm

Quy định về kiểm dịch động vật

Quy định của EU về kiểm dịch động vật và các sản phẩm có nguồn gốc động vật được xây dựng để bảo vệ và tăng cường kiểm dịch của động vật (đặc biệt là để chế biến thực phẩm). Việc nhập khẩu động vật và các sản phẩm động vật phải đáp ứng các tiêu chuẩn y tế:

- Nước xuất khẩu phải được sự phê chuẩn trong danh sách các quốc gia được phép xuất khẩu danh mục các sản phẩm liên quan đến EU;
- Các sản phẩm có nguồn gốc động vật chỉ có thể được nhập khẩu vào EU nếu như các nhà máy chế biến đã được phê duyệt tại nước xuất khẩu;
- Tất cả các động vật hoặc sản phẩm động vật nhập khẩu phải kèm theo giấy chứng nhận sức khỏe được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền tại nước xuất khẩu;
- Mọi lô hàng đều phải được kiểm tra tại các trạm kiểm tra biên giới của nước đến.

Nếu dịch bệnh bùng phát ở một quốc gia ngoài EU có khả năng đe dọa nghiêm trọng đến động vật và sức khỏe cộng đồng. EU sẽ áp dụng các biện pháp bảo vệ tạm thời - Bao gồm việc cấm nhập khẩu một phần hoặc toàn bộ hoặc đưa ra các yêu cầu đặc biệt đối với các sản phẩm của quốc gia đó. Các quy định bao gồm:

- Sức khỏe động vật và đối xử nhân đạo;
- Thương mại và nhập khẩu động vật sống;
- Thương mại và nhập khẩu các sản phẩm có nguồn gốc động vật;
- Thương mại và nhập khẩu tinh dịch, tế bào trứng và phôi động vật;
- Hướng dẫn nhập khẩu và nguyên tắc vận chuyển động vật sống và sản phẩm động vật;
- Hướng dẫn các yêu cầu kiểm dịch động vật về địa điểm thị trường, nhập khẩu và vận chuyển động vật.

Quy định về kiểm dịch thực vật

Việc xuất khẩu thực vật và sản phẩm thực vật (bao gồm hoa quả, rau và các sản phẩm gỗ) vào EU, nhà sản xuất phải đảm bảo rằng các sản phẩm phải tuân theo luật pháp của EU về kiểm dịch thực vật. EU đã ban hành quy định về kiểm dịch thực vật nhằm ngăn cản việc phát tán và lây lan các sinh vật có hại cho thực vật và sản phẩm thực vật. Các quy định bao gồm:

- Danh mục các hàng hóa không được phép nhập khẩu vào EU, đó là một số hoặc danh sách các sinh vật gây hại: Trừ khi sản phẩm được tuân thủ các điều kiện của nước xuất xứ;
- Thực vật và các sản phẩm thực vật cụ thể phải được kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật.

Lưu ý rằng yêu cầu về kiểm dịch thực vật cũng áp dụng đối với việc sử dụng gỗ cho đóng gói thực phẩm hoặc sản phẩm phi thực phẩm (được gọi là vật liệu gỗ đóng gói). Vì vậy với các đối tượng xuất khẩu chính như các sản phẩm cá hoặc đồ chơi thì cũng phải thực hiện các yêu cầu kiểm dịch nếu có sử dụng gỗ để đóng gói và vận chuyển hàng hóa. Các sản phẩm gỗ chế biến như các sản phẩm nội thất các sản phẩm chế tác không thuộc phạm vi của các quy định này.

Các yêu cầu chung

Xuất khẩu thực vật và sản phẩm thực vật phải:

- Phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu;
- Phải chịu sự giám sát kiểm tra của cơ quan hải quan và kiểm dịch thực vật tại điểm nhập cảnh khi vào EU (biên giới);
- Được nhập khẩu vào EU bởi một nhà nhập khẩu đã đăng ký chính thức tại một quốc gia EU;
- Phải thông báo cho cơ quan hải quan trước khi lô hàng đến tại điểm nhập khẩu.

Các lô hàng thực vật hoặc sản phẩm có nguồn gốc thực vật từ các nước không thuộc EU có thể gây ra rủi ro cho EU. Các nước thành viên hoặc Ủy ban châu Âu có thể thực hiện các biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Ngoài ra còn có thêm các yêu cầu sau:

- Hạt giống và nguyên liệu nhân giống cây trồng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể để đảm bảo kiểm dịch và chất lượng của sản phẩm. Điều kiện cụ thể áp dụng cho: dầu và sợi thực vật, ngũ cốc, rau, khoai tây giống, củ cải đường (đường và thức ăn gia súc), dây leo, cây ăn quả, thức ăn gia súc, cây cảnh;
- EU có các quy tắc về bản quyền và quyền sở hữu trí tuệ đối với giống cây trồng. Các quy định này có hiệu lực trên toàn EU. Hệ thống này được thực hiện tại văn phòng giống cây trồng cộng đồng (CPVO);
- Chỉ thị về kiểm dịch thực vật được ban hành để ngăn cản sự phát tán và lây lan của sinh vật gây hại. Chỉ thị kiểm dịch thực vật bao gồm các sản phẩm sau:
- Thực vật: Thực vật sống và phần của thực vật sống bao gồm hạt. Danh mục này bao gồm: trái cây, hiểu theo nghĩa là thực vật, trừ những loại với trái cây được bảo quản bằng cách đông lạnh sâu; Rau, trừ những loại được bảo quản bằng cách đông lạnh sâu; Củ, thân, củ và thân rễ; Hoa dạng cành; Cành có tán lá; Các dạng cây đã cắt bỏ gốc; Lá và tán lá; Nuôi cấy mô thực vật; Phần hoa; Chồi, và cành ghép; Sản phẩm thực vật: Các sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật, chưa qua chế biến hoặc sơ chế không còn là thực vật;
- Luật pháp của EU phù hợp với luật pháp quốc tế bao gồm: Công ước Bảo vệ thực vật quốc tế (IPPC) của tổ chức Nông lương của Liên hiệp quốc (FAO) và Hiệp định về biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật của WTO, Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES). Việc xuất khẩu các động, thực vật và các sản phẩm động, thực vật hoang

dã, nhà xuất khẩu phải tính đến những quy định của EU về các loại đang nguy cấp (cũng như hiểu về quy định của CITES). Một số loài bị cấm nhập

khẩu và một số khác phải kèm theo giấy chứng nhận xuất hoặc nhập khẩu cụ thể.

Sức khỏe cộng đồng

Quy định của EU về sức khỏe cộng đồng nhằm mục đích để bảo vệ người dân EU khỏi những mối đe dọa về sức khỏe. Các biện pháp bảo vệ sức khỏe cộng đồng bao gồm:

- Giám sát và kiểm soát các bệnh truyền nhiễm (như viêm đường hô hấp cấp SARS, và dịch cúm gia cầm)

Để tìm hiểu thêm về những quy định xin truy cập website của Văn phòng SPS Việt Nam tại địa chỉ <http://www.spsvietnam.gov.vn/>

Thực trạng xuất khẩu nông sản của một số nước trên thế giới và Việt Nam vào EU

Trong bảng xếp hạng năm 2016 của EU về những đối tác thương mại nông sản lớn nhất (Bảng 1), Việt Nam chỉ là một thị trường xuất khẩu nhỏ của EU với tỷ trọng 1,1% nhưng lại là một trong những nguồn cung nông sản quan trọng đối với khu vực EU, đứng thứ 12 với khả năng cung ứng 2,2% nhu cầu tiêu thụ của thị trường EU, xếp trên Thái Lan, New Zealand, Malaysia, Canada,...

Bảng 1: Bảng xếp hạng những đối tác thương mại lớn của EU trong nông sản

STT	Thị trường xuất khẩu năm của EU 2016	Giá trị (triệu Euro)	Tỉ lệ %	STT	Thị trường nhập khẩu của EU năm 2016	Giá trị (triệu Euro)	Tỉ lệ %
1	Hoa Kỳ	20743	15.8	1	Bra-xin	11940	10.6
2	Trung Quốc	11385	8.7	2	Hoa Kỳ	11216	10.0
3	Thụy Sĩ	7897	6.0	3	Ác-hen-ti-na	5888	5.2
4	Nhật Bản	5774	4.4	4	Trung Quốc	5076	4.5
5	Liên bang Nga	5626	4.3	5	Thụy Sĩ	4670	4.2
6	Ả Rập Saudi	4580	3.5	6	Thổ Nhĩ Kỳ	4640	4.1
7	Na Uy	4305	3.3	7	In-đô-nê-xi-a	4148	3.7
8	Hồng Kông	3712	2.8	8	U-crai-na	4076	3.6
9	Canada	3446	2.6	9	Bờ Biển Ngà	3615	3.2
10	Thổ Nhĩ Kỳ	3232	2.5	10	Ấn Độ	2781	2.5
11	Các tiểu Vương quốc Ả-rập thống nhất	3138	2.4	11	Nam Phi	2494	2.2
12	Ô-xtrây-li-a	2994	2.3	12	Việt Nam	2420	2.2

13	Hàn Quốc	2633	2.0	13	Thái Lan	2387	2.1
14	An-giê-ri	2587	2.0	14	Niu Di-lân	2362	2.1
15	Xinh-ga-po	2005	1.5	15	Chi-lê	2343	2.1
16	Ai Cập	1800	1.4	16	Canada	2193	2.0
17	Ma Rốc	1719	1.3	17	Pê-ru	2154	1.9
18	Ix-ra-en	1707	1.3	18	Cô-lôm-bi-a	2117	1.9
19	Nam Phi	1704	1.3	19	Ma-lai-xi-a	2031	1.8
20	Bra-xin	1556	1.2	20	Ô-xtrây-li-a	1970	1.8
	Các quốc gia khác	38596	28.4		Các quốc gia khác	31732	27.6
22	Việt Nam	1441	1.1				

Kể từ sau hiệp định khung EU - Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu nông sản sang thị trường EU đến nay đã tăng gấp 6 lần: Từ 362 triệu USD năm 1999 lên 3.83 tỷ USD năm 2019 và 9 tháng năm 2020 đạt hơn 2.76 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu nông sản đặc biệt tăng mạnh sau thời điểm Việt Nam gia nhập WTO 2007, từ 584.47 triệu USD năm 2005 lên 1.28 tỷ USD năm 2007. Về tỷ trọng, xuất khẩu nông sản sang thị trường EU luôn duy trì tỷ trọng 13% - 19% tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam.

Một số định hướng thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm và thủy sản của Việt Nam vào thị trường EU

Hiệp định EVFTA đã được Quốc hội Việt Nam phê chuẩn vào ngày 08/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2020, điều đó sẽ rộng mở hơn nữa đối với việc xuất khẩu nông, lâm và thủy sản của Việt Nam. Tuy cánh cửa đã rộng mở nhưng hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cần phải vượt qua các quy định và tiêu chuẩn rất ngặt nghèo của EU. Theo hệ thống cảnh báo RASFF Window của EU mà Văn phòng SPS Việt Nam nhận được trong năm 2019, có tổng số 77 cảnh báo các lô hàng nông, lâm và thủy sản xuất khẩu của Việt Nam bị cảnh báo hoặc trả về do vi phạm các điều kiện an toàn thực phẩm có chứa các

chất cấm, hóa chất, thuốc kháng sinh, kim loại nặng vượt quá giới hạn cho phép. Mức độ vi phạm càng nhiều thì EU sẽ ngày càng siết chặt hơn, cụ thể trên hệ thống thông báo về SPS trên trang <https://docs.wto.org/>, Văn phòng SPS Việt Nam thường nhận được thông báo của EU về việc tăng tần suất lấy mẫu kiểm tra đối với các sản phẩm NLTS của Việt Nam. Việc này sẽ gây thêm các chi phí và thời gian cho các doanh nghiệp. Để tận dụng triệt để Hiệp định EVFTA để thúc đẩy xuất khẩu NLTS và giảm thiểu rủi ro cho các doanh nghiệp, chúng ta cần thực hiện một số định hướng sau:

Về mở cửa thị trường

Tiếp tục đẩy mạnh các sản phẩm có giá trị xuất khẩu cao như thủy sản, cà phê, hạt điều, hồ tiêu, rau quả, lâm sản và tìm hướng đi để đẩy mạnh các sản phẩm tiềm năng khác như thịt gia cầm, trứng, quả vải, chanh leo, gạo, chè, ca cao...



(Ảnh: nguồn internet)

Về chất lượng sản phẩm

Đẩy mạnh sử dụng công nghệ chế biến và bảo quản sản phẩm hiện đại và áp dụng các nghiên cứu khoa học đưa vào thực tiễn sản xuất để đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu tuân thủ triệt để các chỉ tiêu về dư lượng thuốc BVTV, thuốc

thú y và các chất gây ô nhiễm đặc biệt không sử dụng các hóa chất mà EU cấm.

Sử dụng các cây, con giống tốt đạt chất lượng và hiệu quả kinh tế cao có sức chịu đựng tốt ít bị nhiễm bệnh để hạn chế sử dụng các hóa chất nông nghiệp như thuốc BVTV, thuốc thú y.

Về chính sách

Tuyên truyền nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp và nhà sản xuất tuân thủ chặt chẽ các quy định của nước nhập khẩu. Đảm bảo an toàn thực phẩm và chất lượng thực phẩm, khuyến khích các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm sạch theo quy định về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật của EU.

Xây dựng danh mục thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y được phép sử dụng và cấm sử dụng phù hợp với nước nhập khẩu (EU), quản lý chặt chẽ thị trường hóa chất dùng trong nông nghiệp đặc biệt không để lưu thông các thuốc BVTV, thú y và hóa chất cấm trên thị trường.

Đẩy mạnh công tác dự báo thị trường, điều tiết sản xuất, hỗ trợ nông dân nhằm ứng phó kịp thời với những biến động bất lợi của kinh tế và thị trường thế giới.

Quy hoạch và xây dựng các vùng nuôi trồng an toàn có quy mô lớn đảm bảo nguồn cung ứng nguyên liệu, quy định và chế tài chặt chẽ về vấn đề bảo vệ môi trường, phát triển bền vững. Bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề hàng đầu được các nước châu Âu quan tâm, bên cạnh sức khỏe của người dân. Do đó cần có cơ chế quản lý chặt chẽ và có chế tài nghiêm khắc đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp vi phạm các quy định pháp luật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- TS. Đặng Thị Huyền Anh (Bộ môn Kinh tế - Học viện Ngân hàng) "Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU: Thực trạng và giải pháp"
- Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương Mại
- Website của Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/>
- Website của Liên minh châu Âu <https://ec.europa.eu/>



(Ảnh: nguồn internet)

XUẤT KHẨU THỦY SẢN VÀO THỊ TRƯỜNG LIÊN MINH CHÂU ÂU-EU THEO HIỆP ĐỊNH EVFTA

Nguyễn Tử Cương

Trưởng ban Phát triển thủy sản bền vững, Hội nghề cá Việt Nam (VINAFIS)

Giới thiệu chung

Liên minh Châu Âu - EU, các quốc gia Châu Âu ngoài EU và Hiệp định SPS

Liên minh Châu Âu - EU là khối liên minh với 27 quốc gia thành viên. Trong các Hiệp định thương mại ký kết với các quốc gia hoặc khối quốc gia trên thế giới, EU luôn có một chương quy định về rào cản an toàn thực phẩm và an toàn bệnh dịch động, thực vật (trên cạn và dưới nước) và thường được đặt tên là "Chương SPS". Khi Hiệp định có hiệu lực thì tất cả 27 quốc gia thành viên đều có nghĩa vụ

thực hiện. Ba quốc gia thuộc Châu Âu là Thụy Sĩ, Na uy, Ixolen, tuy không trong Liên minh Châu Âu - EU, nhưng được mời tham gia thảo luận các nội dung về SPS của Liên minh Châu Âu. Khi các Hiệp định thương mại (bao gồm quy định về SPS) của Liên minh được ký kết và có hiệu lực thì 3 quốc gia này cũng công nhận và thực hiện như các quốc gia thành viên của EU.

Quy định tại Hiệp định EVFTA

Hầu hết các mặt hàng thủy sản Việt Nam xuất khẩu vào EU sẽ có mức thuế mới bằng "0", hiện tại đang chịu mức thuế 5 đến 15%, nhưng:

a. Chỉ những ngành hàng được EU công nhận đã đáp ứng yêu cầu kiểm soát an toàn thực phẩm

(ATTP) và an toàn bệnh dịch động, thực vật thủy sản (ATBD TS) mới được phép xuất khẩu vào EU.

b. Chỉ những doanh nghiệp có tên trong danh sách được EU công nhận đủ điều kiện về SPS của EU, mới được phép xuất khẩu thủy sản vào EU.

Vai trò của Liên minh Châu Âu trong Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và việc thực thi Hiệp định SPS

a. Tất cả các quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu đều là thành viên (một số là thành viên tích cực) của WTO.

b. Từ 1991: EU đã công bố 2 chỉ thị 91/492-EEC và chỉ thị 91/494-EEC về việc khai thác, nuôi trồng, chế biến sản phẩm thủy sản áp dụng cho các quốc gia của EU và sản phẩm của nước thứ 3 muốn xuất khẩu thủy sản vào EU. Đây là 2 văn bản SPS đầu tiên của EU đối với sản phẩm thủy sản.

c. Từ 1994 đến 1997: EU áp dụng chế độ chuyển tiếp (giai đoạn quá độ) cho những quốc gia đang thực hiện theo nội dung của 2 chỉ thị nêu trên, nhưng chưa hoàn toàn đáp ứng các nội dung.

d. Các năm tiếp theo EU lần lượt đưa ra các chỉ thị hoặc quyết định về SPS đối với những lĩnh vực mới trong sản xuất kinh doanh thủy sản (ví dụ: sản phẩm có mối nguy gắn liền với loài, ghi nhận các nội dung liên quan đến SPS; Khai thác thủy sản tự nhiên có kiểm soát...).

Kết quả tháo gỡ các rào cản SPS của Ủy ban Liên minh Châu Âu đối với hàng thủy sản của Việt Nam xuất khẩu vào EU

Các quy định của EU đối với hàng thủy sản từ nước thứ 3 xuất khẩu vào EU

- Từ 1991 đến 2019, EU đã ban hành tổng số 23 văn bản quy định về an toàn thực phẩm (ATTP) và an toàn dịch bệnh động, thực vật thủy sản (ATBD TS), sản xuất trong các nước thuộc Liên minh và từ nước thứ 3 (nước ngoài EU) xuất khẩu thủy sản vào EU tập trung vào 7 vấn đề sau:

a. Tương đương về Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới ATTP và ATBD TS;

b. Tương đương về Tổ chức và năng lực hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong kiểm soát ATTP và ATBD TS;

c. Tương đương về điều kiện ATTP của doanh

nh nghiệp được EU đưa vào danh sách xuất khẩu thủy sản vào EU;

d. Kiểm soát an toàn thực phẩm vùng thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ;

e. Kiểm soát dư lượng hóa chất độc trong thủy sản nuôi;

g. Ghi thông tin an toàn thực phẩm trên nhãn sản phẩm thủy sản;

h. Chống khai thác thủy sản biển (hải sản) không khai báo, không kiểm soát và không theo quy định – gọi tắt là IUU.

Kết quả thực hiện các quy định liên quan đến SPS của EU đối với hàng thủy sản của Việt Nam xuất khẩu vào EU

- Thực hiện “Quy định tương đương về văn bản quy phạm pháp luật trong kiểm soát An toàn thực phẩm và An toàn bệnh, dịch thủy sản”

a. Để văn bản QPPL của Việt Nam tương đương với chỉ thị 91/492 và chỉ thị 91/493 EEC, Việt Nam đã:

- Tháng 8/1994 quy định áp dụng nguyên văn chỉ thị 91/492 EEC và chỉ thị 91/493 EEC của EU trong sản xuất và xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào EU;

- Tháng 9/1997, Bộ thủy sản đã ban hành QĐ 129 TS/QĐ và QĐ 130 TS/QĐ trên cơ sở áp dụng những nội dung của chỉ thị 91/492-EEC và chỉ thị 91/493-EEC vào sản xuất thủy sản của Việt Nam.

b. Nguyên lý cơ bản của 2 văn bản trên là:

- Kiểm soát ATTP và ATDB TS từ ao nuôi đến bàn ăn;

- Việc kiểm soát dựa trên nguyên tắc nhận diện nguy cơ và xác định các biện pháp Phòng ngừa/Ngăn chặn/Khống chế mối nguy ở dưới mức có thể gây hại cho sức khỏe người tiêu dùng và thủy sản nuôi;
- Việc lấy mẫu bán sản phẩm và lô hàng cuối cùng vẫn được thực hiện, nhằm xác định các biện pháp kiểm soát có đạt hiệu quả hay không.
- c. Sau khi xem xét quy định của Việt Nam, tháng 12/1997 EU đã công nhận: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam trong kiểm soát ATTP và ATBD TS đã tương đương với EU.
- Thực hiện “Quy định về Tổ chức và hoạt động thực tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền Việt Nam trong kiểm soát ATTP và ATBD TS phải tương đương với tổ chức ở các quốc gia thuộc EU”
 - a. Tháng 8/1994 Bộ thủy sản thành lập Trung tâm kiểm tra chất lượng và Vệ sinh thủy sản – NAFIQA-CEN; đến 8/2003 giao thêm nhiệm vụ thú y, thủy sản và đổi tên thành Cục quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và Thú y thủy sản - NAFIQA-VED. Hai cơ quan trên có chung đặc điểm:
 - Là cơ quan nhà nước duy nhất có thẩm quyền trong kiểm soát ATTP và ATBD TS trong toàn bộ quá trình sản xuất trong nước và xuất-nhập khẩu thủy sản;
 - Có hệ thống tổ chức từ Trung ương đến vùng kinh tế và kiểm soát đến từng cơ sở sản xuất, kinh doanh.
 - b. Nội dung hoạt động của NAFIQA-CEN và NAFIQA-VED
 - Kiểm soát ATTP và ATBD TS dựa trên nguyên tắc nhận diện nguy cơ và xác định các biện pháp Phòng ngừa/Ngăn chặn/Khống chế mối nguy tới dưới mức có thể gây hại cho sức khỏe người tiêu dùng hoặc thủy sản nuôi;
 - Việc lấy mẫu bán sản phẩm và lô hàng cuối cùng nhằm xác định các biện pháp kiểm soát có đạt hiệu quả hay không.
 - c. Tháng 6/1997 EU công nhận Việt Nam đã có: Hệ thống tổ chức và năng lực hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong kiểm soát ATTP và ATBD TS tương đương với các quốc gia thuộc EU.
- Doanh nghiệp muốn có tên trong danh sách xuất khẩu thủy sản vào EU, phải có điều kiện sản xuất và chương trình kiểm soát ATTP và ATBD TS tương đương với doanh nghiệp cùng loại tại EU
 - a. Quy định của EU: Doanh nghiệp muốn có tên trong danh sách được phép xuất khẩu thủy sản vào EU cần:
 - Nâng cấp nhà xưởng và trang thiết bị nhằm loại bỏ các mối nguy gây mất ATTP và ATBD TS trong tất cả các công đoạn của chuỗi sản xuất;
 - Thực hiện kiểm soát mối nguy gây mất ATTP và ATBD TS theo nguyên tắc HACCP, cụ thể là:

Nhận diện mối nguy ATTP và ATBD TS từ khâu sản xuất nguyên liệu đến thu mua, chế biến, lưu kho và vận chuyển đến tay người tiêu dùng và thực hiện các biện pháp Phòng ngừa/Ngăn chặn/Khống chế mối nguy tới dưới mức có thể gây hại cho sức khỏe người tiêu dùng, vật nuôi.
 - b. Để thực hiện điều này các doanh nghiệp Việt Nam đã:
 - Xây mới hoặc cải tạo nâng cấp điều kiện sản xuất để loại bỏ mối nguy do phần cứng gây ra;
 - Thực hiện chương trình quản lý theo HACCP, gồm 12 bước và 7 nguyên tắc trong suốt quá trình hoạt động từ sản xuất nguyên liệu đến thu mua, chế biến, ghi nhãn, đóng gói, lưu kho và vận chuyển sản phẩm đến hệ thống bán lẻ.
 - c. Kết quả đến tháng 12/1999, EU đã công nhận đợt 1: 18 trong tổng số 67 doanh nghiệp (đăng ký áp dụng các quy định của EU) được phép xuất khẩu thủy sản vào EU. Ngay trong tháng 12/1999, 18 doanh nghiệp nêu trên đã được phép xuất khẩu thủy sản vào EU.
- Sau lần công nhận đầu tiên NAFIQA-CEN/NAFQA-VED đã định kỳ 6 tháng/1 lần đề xuất thêm danh sách doanh nghiệp đủ điều kiện xuất khẩu thủy sản vào EU và mời thanh tra EU vào đánh giá công nhận. Sau khi thanh tra EU vào Việt Nam thanh tra các doanh nghiệp đã có tên trong danh sách lần trước và doanh nghiệp đăng ký mới (số doanh nghiệp được thanh tra thường chiếm 10-15% số doanh nghiệp đăng ký), dựa trên kết quả thanh tra, EU sẽ thông báo những doanh nghiệp mới được phép xuất khẩu thủy sản vào EU và những

doanh nghiệp đã có tên trong danh sách lần trước có nội dung gì cần bổ sung sửa đổi.

Theo NAFIQAD đến tháng 12/2019, EU đã công nhận 579 doanh nghiệp chế biến thủy sản Việt Nam đủ điều kiện xuất khẩu thủy sản vào EU.

Thực hiện chương trình kiểm soát an toàn thực phẩm vùng nuôi và thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ (kiểm soát mối nguy gắn liền với loài)



a. Thức ăn của nhuyễn thể hai mảnh vỏ là tảo. Nhuyễn thể lấy thức ăn qua lọc. Nếu trong nước có tảo độc thì chúng sẽ gây ra 3 loại bệnh cho người là Liệt cơ (PSP), Mất trí nhớ (DSP) và Nhũn não (NSP);

Mặt khác nhuyễn thể 2 mảnh vỏ sống ở vùng bùn-cát ven biển, chúng có thể nhiễm các mối nguy thuốc trừ sâu, kim loại nặng và vi khuẩn gây bệnh.

Điều kiện để được phép xuất khẩu nhuyễn thể 2 mảnh vỏ vào EU là: Trong thịt nhuyễn thể 2 mảnh vỏ: Không có các loại độc tố gây Liệt cơ (PSP), Mất trí nhớ (DSP) và Nhũn não (NSP), đồng thời các chỉ tiêu thuốc trừ sâu, kim loại nặng và vi khuẩn gây bệnh dưới mức gây hại cho sức khỏe người tiêu dùng.

b. Từ năm 1997, Việt Nam đã thực hiện chương trình kiểm soát an toàn thực phẩm vùng nuôi và thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ theo đúng các quy định của EU.

c. Kết quả đến tháng 3/2000 Ủy ban liên minh Châu Âu: Công nhận Chương trình kiểm soát ATTP vùng thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ của Việt Nam với 17 vùng nuôi và tổng sản lượng nhuyễn thể thu hoạch trong năm 2000 là 245.000 tấn.

Cũng trong năm 2000 nhuyễn thể 2 mảnh vỏ của Việt Nam được phép xuất khẩu vào EU.

Theo NAFIQAD đến 12/2019, EU đã công nhận 17 vùng nuôi nhuyễn thể 2 mảnh vỏ, với tổng sản lượng nhuyễn thể 197.798 tấn/năm, đủ điều kiện xuất khẩu vào EU. Điều cần nói thêm rằng chính nhờ chương trình kiểm soát an toàn thực phẩm vùng nuôi và thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ thực hiện theo quy định của EU, mà từ năm 1997 đến nay, Việt Nam không phát hiện trường hợp người tiêu dùng bị phát hiện các bệnh Liệt cơ (PSP), Mất trí nhớ (DSP) và Nhũn não (NSP) do ăn nhuyễn thể 2 mảnh vỏ.

Chương trình kiểm soát dư lượng hóa chất độc trong thủy sản nuôi (kiểm soát mối nguy gắn liền với loài)

a. Trong nuôi thủy sản người nuôi đã dùng hóa chất để xử lý ao và dùng hóa chất hoặc kháng sinh để trị bệnh cho thủy sản nuôi.

b. EU quy định: Các quốc gia phải lập danh sách các cơ sở sản xuất giống thủy sản, các vùng nuôi, đối tượng nuôi và phương thức nuôi và lập kế hoạch lấy mẫu đại diện để phân tích dư lượng

các loại hóa chất, kháng sinh có hại cho sức khỏe người tiêu dùng và định kỳ hàng tháng thông báo cho doanh nghiệp không thu mua, không chế biến những nguyên liệu thủy sản thu hoạch từ vùng nuôi đã bị phát hiện có dư lượng hóa chất và kháng sinh có hại.

c. Việt Nam đã thực hiện chương trình này từ năm 1997 theo đúng hướng dẫn của Ủy ban liên minh Châu Âu.

d. Kết quả đến cuối năm 2000 Ủy ban Liên minh Châu Âu đã: Công nhận chương trình kiểm soát dư lượng hóa chất độc trong thủy sản nuôi của Việt Nam. Cũng từ năm 2000 tất cả sản phẩm xuất xứ từ nuôi, trồng của Việt Nam đã được phép chế biến để xuất khẩu vào EU.

Theo NAFIQAD đến 12/2019 EU đã công nhận 146 vùng nuôi thủy sản, với sản lượng 885.353 tấn/năm được phép xuất khẩu vào EU.

Thực hiện việc ghi nhãn nội dung an toàn thực phẩm theo quy định mới của EU

a. Năm 2016, EU công bố văn bản về việc ghi nội dung an toàn thực phẩm trên nhãn sản phẩm cho từng dạng mặt hàng thủy sản (ăn liền; làm sẵn; nguyên liệu sơ chế) và cách ghi từng loại chất cấm cần kiểm soát trên nhãn sản phẩm.

b. Cũng trong năm 2016 dự án EU - MUTRAP 4, đã hỗ trợ các cơ quan của Việt Nam (bao gồm Văn phòng SPS Việt Nam) hướng dẫn doanh nghiệp chế biến thủy sản Việt Nam thực hiện quy định mới này. Kết quả là: Sau hơn nửa thế kỷ chuyển hàng đầu tiên, đến nay các doanh nghiệp chế biến thủy sản Việt Nam đều đã thành thạo việc ghi nội dung ATTP trên nhãn sản phẩm theo quy định của EU.

Thực hiện quy định “Số 1005/2008 của Ủy ban Liên minh Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định - Gọi tắt là IUU”

a. Đối tượng áp dụng quy định này là: Tất cả các tàu khai thác, thu mua thủy sản trên biển, các cảng cá và các doanh nghiệp thu mua hải sản để chế biến xuất khẩu vào EU.

b. Nội dung phải thực hiện trong hoạt động khai thác, thu mua và chế biến thủy sản biển là:

i) Không xâm phạm vùng biển của nước ngoài để khai thác thủy sản;

ii) Không khai thác thủy sản bằng ngư cụ và phương pháp tận diệt; Không khai thác thủy sản đang trong thời gian mang trứng; Không khai thác tại vùng nước thủy sản đang đẻ trứng; Không khai thác thủy sản còn non;

iii) Các tàu đánh cá xa bờ phải lắp thiết bị định vị vệ tinh;

iv) Các tàu đánh cá phải ghi nhật ký hành trình; ngư cụ khai thác; vùng biển khai thác; đối tượng khai thác;

v) Doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu vào EU chỉ thu mua thủy sản của những tàu thực hiện đúng các quy định nêu tại mục (iv) với bằng chứng được xác định trên định vị vệ tinh và nhật ký ghi chép đầy đủ;

vi) Các doanh nghiệp thu mua và chế biến thủy sản biển phải lưu trữ đầy đủ hồ sơ của lô hàng chế biến (khai thác từ vùng biển nào? Có vi phạm các quy định về IUU không? Quá trình chế biến có đảm bảo an toàn thực phẩm không?

c. Kết quả thực hiện của Việt Nam đến tháng 6/2020

- Do Việt Nam chưa đáp ứng được các quy định nêu trên, nên ngày 23/10/2017, EU đã áp dụng “Chế độ thẻ vàng” đối với hải sản của Việt Nam, vì lý do Việt Nam chưa thực hiện có hiệu quả quy định IUU;

- Định kỳ, EU thực hiện thanh tra việc thực thi quy định IUU:

Đợt 1: Tháng 5/2018;

Đợt 2: Tháng 11/2019;

Nhưng EU chưa dỡ bỏ thẻ vàng vì Việt Nam thực hiện chưa hiệu quả các quy định về IUU.

- Đợt thanh tra thứ 3 dự kiến vào tháng 5/2020, nhưng do dịch cúm COVID 19 nên đến nay chưa thực hiện.

Những bài học kinh nghiệm

Đối với Liên minh Châu Âu

- a. Luôn là khối quốc gia dẫn đầu về kiểm soát an toàn thực phẩm và an toàn bệnh, dịch động, thực vật;
- b. Các quy định của EU luôn nhằm đạt tới:
 - An toàn thực phẩm;
 - An toàn bệnh, dịch động, thực vật;
 - An toàn môi trường;
 - An sinh xã hội.

Những nguyên tắc trên đều xuất phát từ các công bố của Ủy ban CODEX (tổ chức do FAO; WHO phối hợp thành lập), IPPC thuộc FAO và OIE

c. Cách kiểm soát của EU:

- Trực tiếp, rõ ràng, minh bạch;
- Báo cáo của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước xuất khẩu chỉ là một kênh thông tin tham khảo quan trọng.

Kinh nghiệm thực hiện các quy định của EU về SPS của ngành thủy sản

Bước
01

Tìm đủ các quy định của EU và dịch chính xác ra tiếng Việt;

Bước
02

Xây dựng lực lượng đào tạo cho các đối tượng có liên quan nội dung và phương pháp thực hiện các quy định của EU (khi cần có thể mời EU trực tiếp hướng dẫn và giải đáp thắc mắc);

Bước
03

Các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định thực hiện các quy định của EU với sự giám sát và hỗ trợ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

Bước
04

Mời Thanh tra EU vào thanh tra;

Bước
05

Hiểu rõ các khuyến cáo của thanh tra EU (vấn đề chưa rõ cần làm rõ. Nội dung dự thảo kết luận của đoàn thanh tra EU chưa đúng với thực tế thì cần giải trình để thanh tra EU hiểu đúng và điều chỉnh);

Bước
06

Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ (không đối phó) các khuyến cáo của EU và báo cáo kết quả thực hiện cho EU;

Bước
07

Duy trì điều kiện sản xuất và chế độ kiểm soát đã đạt được. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thường xuyên kiểm tra và yêu cầu khắc phục các sai lỗi của các đối tượng thực hiện.

Phân công thực hiện

Một việc chỉ giao cho một cơ quan nhà nước phụ trách toàn bộ thì mới thống nhất hành động và có kết quả chính xác.



(Ảnh: nguồn internet)

XUẤT KHẨU NÔNG SẢN VIỆT NAM THÁCH THỨC TỪ CÁC BIỆN PHÁP PHI THUẾ QUAN

PGS.TS. Nguyễn Anh Thu
Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN

Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm và thủy sản đóng góp lớn trong kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, từ đó đóng góp vào GDP và thúc đẩy kinh tế phát triển. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất mà nông sản Việt Nam gặp phải là các hàng rào phi thuế quan, đặc biệt các quy định về kỹ thuật và vệ sinh an toàn thực phẩm. Bài viết này đánh giá các thành tựu về xuất khẩu của nông sản Việt Nam trong thời gian vừa qua, nhận diện các rào cản phi thuế quan tại các thị trường lớn như Mỹ, Nhật và EU và đưa ra một số hàm ý.

Xuất khẩu nông, lâm và thủy sản Việt Nam

Nông, lâm và thủy sản¹ là các sản phẩm có lợi thế so sánh trong thương mại quốc tế của Việt Nam. Điều này thể hiện trong một thời gian dài từ khi Việt Nam bắt đầu mở cửa. Trong 10 năm trở lại đây, kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam tăng mạnh về quy mô, năng lực sản xuất hàng nông sản xuất khẩu được mở rộng, tăng trưởng cả chiều rộng và chiều sâu. Theo số liệu của Tổng cục hải quan, nếu trong giai đoạn 2011 đến 2016, tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu bình quân nhóm mặt hàng nông, lâm và thủy sản là 7,7% thì giai đoạn 2016-2018 là 8,9%. Trong 3 năm trở lại đây, kim ngạch

xuất khẩu hàng nông, lâm và thủy sản của Việt Nam luôn luôn chiếm tỷ trọng khoảng 14-15% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Năm 2019, mặc dù khó khăn về thị trường, các mặt hàng nông sản giảm giá từ 10 - 15%, nhưng tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản vẫn tăng so với năm 2018, trong đó lĩnh vực lâm nghiệp có mức độ tăng cao nhất (Bảng 1).

Có thể thấy, trong năm 2019, có 7 nhóm mặt hàng duy trì kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD; trong đó có 4 mặt hàng trên 3 tỷ USD (gỗ và sản phẩm gỗ;

thủy sản; rau quả; hạt điều). Nhóm mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đạt kim ngạch xuất khẩu ấn tượng trong những năm gần đây, đặc biệt là năm 2019. Các thị trường xuất khẩu chính là Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản. Đây là kết quả của nỗ lực mở rộng thị trường, xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp và chính phủ, cũng như việc tận dụng cơ hội của CPTPP đối với thị trường Nhật Bản (Bộ Công thương, 2020a).

Năm 2019, trị giá xuất khẩu thủy sản giảm chủ yếu do giá xuất khẩu các mặt hàng giảm, trong khi lượng xuất khẩu hầu hết các mặt hàng chủ lực vẫn tăng (Bộ công thương, 2020b). Mỹ đã công nhận tương đương đối với mặt hàng cá da trơn Việt Nam, giảm thuế nhập khẩu cá tra, tôm từ nước ta vào Mỹ

hầu hết ở mức 0%; Trung Quốc đã chấp thuận nhập khẩu chính ngạch 48 loài thủy sản sống và 128 loại sản phẩm thủy sản sơ chế, chế biến từ Việt Nam.



Bảng 1. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm và thủy sản của Việt Nam giai đoạn 2017 - 2019

(Đơn vị: ngàn tấn; triệu USD)

	Mặt hàng	2017		2018		2019	
		Số lượng	Kim ngạch	Số lượng	Kim ngạch	Số lượng	Kim ngạch
	Tổng kim ngạch xuất khẩu		215.119		243.483		264.189
	Nhóm nông, lâm, thủy sản		33.703		35.508		36.106
	<i>Tỷ trọng</i>		15.7		14.6		13.7
1	Thủy sản		8.309		8.795		8.544
2	Rau quả		3.500		3.810		3.747
3	Hạt điều	353	3.515	373	3.366	456	3.289
4	Cà phê	1.566	3.500	1.878	3.538	1.653	2.855
5	Chè	139	227	127	218	137	236
6	Hạt tiêu	215	1.117	233	759	284	714
7	Gạo	5.819	2.633	6.115	3.064	6.366	2.805
8	Sắn và các sản phẩm từ sắn	3.914	1.032	2.427	958	2.534	967
9	Cao su	1.381	2.250	1.564	2.092	1.702	2.302
10	Gỗ và sp từ gỗ		7.604		8.909		10.648

(Nguồn: Tổng cục Hải quan)

Kim ngạch xuất khẩu rau quả tăng ấn tượng trong nhiều năm qua, với thị trường xuất khẩu tới 60 nước và vùng lãnh thổ. Về thị trường xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc giảm do Trung Quốc tăng cường các biện pháp kiểm dịch, kiểm tra chất lượng, truy xuất nguồn gốc theo hướng chuyển từ “tiểu ngạch” sang chính ngạch (Bộ Công thương, 2019). Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường khác như ASEAN, Mỹ, EU, Hàn Quốc và Nhật bản đều tăng. Đây chính là cơ hội chuyển dịch thị trường xuất khẩu, giảm phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc. Hơn thế nữa, thuế quan đối với hầu hết các sản phẩm rau quả từ Việt Nam theo các hiệp định như ATIGA, VKFTA, VJEPA, CPTTP, EVFTA hầu hết về 0%. Đây là cơ hội lớn cho mặt hàng rau quả Việt Nam.

Hạt điều vẫn duy trì là một mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, trong đó các thị trường chủ yếu là Mỹ, Trung Quốc, EU. Đối với mặt hàng gạo, Việt Nam đã xuất khẩu tới hơn 150 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Năm 2019, mặc dù gặp khó khăn tại thị trường châu Á truyền thống, gạo xuất khẩu của Việt Nam đã mở rộng được thị trường tại châu Phi, châu Âu và châu Mỹ (Bộ Công thương, 2020b).

Bên cạnh việc duy trì các sản phẩm chủ lực, các doanh nghiệp của Việt Nam đã mở sang một số mặt hàng mới như các sản phẩm chăn nuôi, chế biến như xuất khẩu thịt gà chế biến đi Nhật Bản; xuất khẩu lợn sữa vào Malaysia, Hồng Kông; xuất khẩu mật ong đi EU, Hoa Kỳ...

Như vậy, có thể thấy rằng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng qua các năm, duy trì được các mặt hàng chủ lực, tạo được chỗ đứng trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng duy trì được các thị trường truyền thống, đồng thời đa dạng hoá thị trường, mở rộng thị trường, tránh phụ thuộc vào một vài đối tác lớn. Một số cải cách trong chính sách nông nghiệp (như nghị định 107/2018/NĐ-CP đối với mặt hàng gạo), các chính sách thúc đẩy chuỗi giá trị sẽ tạo môi trường thuận lợi cho cả doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh. Các cam kết cắt giảm thuế trong các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết đã và sẽ tạo thêm nhiều cơ hội cho nông, lâm và thủy sản Việt Nam tiếp cận các thị trường lớn như EU, Nhật bản, Hoa Kỳ. Tất cả các yếu tố trên góp phần đảm bảo tính bền vững cho xuất khẩu nông, lâm và thủy sản của Việt Nam.

Thách thức từ các biện pháp phi thuế quan

Mặc dù Việt Nam có lợi thế lớn trong xuất khẩu nông, lâm và thủy sản và có nhiều cơ sở để phát triển các lợi thế này một cách bền vững trong tương lai, tuy nhiên, vẫn có nhiều thách thức cần vượt qua. Thách thức trước mắt chính là việc hàng hoá nông, lâm và thủy sản cần phải phấn đấu nhiều hơn nữa để vượt qua các hàng rào phi thuế quan của các nước nhập khẩu. Các hàng rào phi thuế quan này bao gồm các quy định về kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm tra, kiểm soát giá, các biện pháp liên quan đến cạnh tranh, các biện pháp tài chính, quy tắc xuất xứ... (Nguyễn Anh Thu và Đặng Thanh Phương, 2014).

Đối với các mặt hàng nông, lâm và thủy sản của Việt Nam, rào cản thường hay gặp nhất chính là các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) và các tiêu chuẩn kỹ thuật (TBT).

Nông sản Việt Nam luôn đứng trước nguy cơ bị trả lại, mất quyền xuất khẩu hoặc gia tăng tần suất kiểm tra do chưa đáp ứng các quy định SPS tại các thị trường khó tính như Nhật, Mỹ và EU (Nguyễn Anh Thu và Nguyễn Thị Minh Phương, 2015).

Trong những năm gần đây, số trường hợp hàng hoá nông sản thực phẩm của Việt Nam bị từ chối nhập khẩu luôn ở mức tương đối cao. Cụ thể, trong năm 2018, 2019 số trường hợp nông sản thực phẩm Việt Nam bị từ chối nhập khẩu vào Mỹ lần lượt là 272 và 226²; từ chối nhập khẩu vào Nhật bản năm 2018 là 81 và 2019 là 101 trường hợp³; từ chối vào thị trường EU lần lượt là 39 và 65 trường hợp⁴. So với các quốc gia khác, Việt Nam là nước có số trường hợp bị từ chối nhập khẩu tương đối cao, đặc biệt là tại thị trường Mỹ. Nguyên nhân chủ yếu do hàng hoá nông sản của Việt Nam không đáp ứng được các

tiêu chuẩn về thành phần, dư lượng các chất cấm vượt mức cho phép, hoặc quá trình đóng gói, vận chuyển không đảm bảo ảnh hưởng đến chất lượng hàng hoá...

Các biện pháp phi thuế quan nói chung được sử dụng nhằm mục tiêu đảm bảo chất lượng hàng

hoá, bảo vệ người tiêu dùng, và đôi khi bao gồm cả mục tiêu bảo hộ sản xuất nông nghiệp trong nước. Thông tin về việc từ chối nhập khẩu cho thấy xuất khẩu của Việt Nam phải đối mặt với thách thức lớn trong việc đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như các biện pháp phi thuế quan khác ở các thị trường phát triển.

Các vấn đề đặt ra

SPS và TBT nói riêng và các biện pháp phi thuế quan nói chung trước mắt sẽ tạo ra nhiều thách thức đối với nông sản Việt Nam, song trong dài hạn là động lực để các nhà sản xuất và xuất khẩu Việt Nam nâng cao chất lượng sản phẩm, chuyên nghiệp hoá hoạt động kinh doanh, dần dần tạo thương hiệu cho các sản phẩm từ Việt Nam.

Để làm được như vậy, cần có các giải pháp đồng bộ từ thay đổi tư duy về các biện pháp SPS, chủ động nắm bắt thông tin về sản phẩm, tới việc đầu tư đầu tư cả về chiều rộng và chiều sâu trong quá trình sản xuất. Đáng chú ý là SPS, TBT liên quan đến tất cả các công đoạn của chuỗi giá trị, không chỉ trong chế biến mà cả nuôi trồng. Đây là một trong những thách thức lớn đối với người nông dân và các nhà sản xuất Việt Nam. Vì vậy, sự kiểm soát toàn diện về chất lượng từ đầu đến cuối là cần thiết để giúp các nhà xuất khẩu của Việt Nam vượt qua các thách

thức này.

Các doanh nghiệp Việt Nam cũng cần có sự hỗ trợ của các cơ quan chính phủ, các hiệp hội ngành hàng trong việc cung cấp thông tin, ban hành các tiêu chuẩn ngành mang tính hướng dẫn và khuyến khích đối với doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cần đàm phán ký kết các thỏa thuận hay hiệp định hài hòa hóa các biện pháp SPS và TBT, các thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật từ các nước đối tác nhằm giảm chi phí và tạo cơ hội cho sản phẩm của Việt Nam xuất khẩu. Đối với các biện pháp phi thuế quan được đặt ra với mục tiêu bảo hộ, chính phủ cũng cần có các hoạt động đàm phán hoặc có các hành động pháp lý cần thiết trong khuôn khổ WTO, sử dụng các cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO để bảo vệ xuất khẩu của Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Công thương (2019), Bản tin thị trường nông, lâm và thủy sản 31/12/2019.
2. Bộ Công thương (2020a), Bản tin thị trường nông, lâm và thủy sản 21/1/2020.
3. Bộ Công thương (2020b), Bản tin thị trường nông, lâm và thủy sản 3/2/2020.
4. Nguyễn Anh Thu và Đặng Thanh Phương (2014), Nghiên cứu các biện pháp vệ sinh dịch tễ (SPS) và hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam phải đối mặt trên các thị trường xuất khẩu chủ yếu, trong Báo cáo Hỗ trợ chuẩn bị cho các cuộc đàm phán FTA, bao gồm cả các vấn đề thương mại "thế hệ mới", bao gồm cả các FTA ASEAN trong tương lai, MUTRAP ICB-8.
5. Nguyễn Anh Thu và Nguyễn Thị Minh Phương (2015), Các quy định về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động vật (SPS) doanh nghiệp Việt Nam thường gặp khi xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Tạp chí Kinh tế Đối ngoại, số 75, tr. 34-43.

¹ Bài viết sử dụng định nghĩa hàng nông sản theo nghĩa rộng, bao gồm các sản phẩm thủy sản và lâm sản

² Theo số liệu của Cục quản lý dược và thực phẩm Hoa Kỳ - FDA <https://datadashboard.fda.gov/ora/cd/imprefusals.htm>

³ Theo số liệu của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản - MHLW <https://www.mhlw.go.jp/english/topics/importedfoods/>

⁴ Theo số liệu của Hệ thống cảnh báo nhanh Ủy ban châu Âu về thực phẩm và thức ăn gia súc - RASFF Portal https://ec.europa.eu/food/safety/rasff_en

DỰ THẢO QUY ĐỊNH VỀ SPS CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO TRONG THÁNG 9/2020

STT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G/SPS/N/EU/412	Liên minh Châu Âu	01/9/2020	Quy định của Ủy ban châu Âu 2020/691 ngày 30/01/2020 bổ sung Quy định (EU) 2016/429 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến các quy tắc đối với các cơ sở nuôi trồng và vận chuyển động vật thủy sản
2	G/SPS/N/EU/411	Liên minh Châu Âu	01/9/2020	Quy định của Ủy ban châu Âu 2020/689 ngày 17/12/2019 bổ sung Quy định (EU) 2016/429 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến các quy tắc giám sát, chương trình loại trừ và tình trạng sạch bệnh đối với một số bệnh đã được liệt kê và bệnh mới nổi
3	G/SPS/N/EU/410	Liên minh Châu Âu	01/9/2020	Quy định của Ủy ban châu Âu 2020/688 ngày 17/12/2019 bổ sung Quy định (EU) 2016/429 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến các quy định về yêu cầu sức khỏe động vật đối với các hoạt động di chuyển đối với động vật trên cạn và trứng ấp
4	G/SPS/N/USA/3199	Hoa Kỳ	02/9/2020	Inpyrfluxam; Giới hạn thuốc trừ sâu cho phép. Quy tắc cuối cùng
5	G/SPS/N/NZL/627/Add.1	Niu Di-lân	02/9/2020	Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu cho xe cộ, máy móc và phụ tùng
6	G/SPS/N/NZL/626/Add.1	Niu Di-lân	02/9/2020	Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu cho các container biển từ tất cả các quốc gia
7	G/SPS/N/JPN/777	Nhật Bản	02/9/2020	Sửa đổi tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật của Salinomycin sodium.
8	G/SPS/N/THA/331	Thái Lan	03/9/2020	Cục phát triển chăn nuôi Thái Lan ra lệnh tạm ngừng nhập khẩu gia cầm sống và thịt gia cầm từ Việt Nam để ngăn chặn sự lây lan của Cúm gia cầm độc lực cao (Serotype H5N6 và H5N1).
9	G/SPS/N/THA/334	Thái Lan	04/9/2020	Dự thảo Thông báo của Bộ Y tế Công cộng, (Số...) B.E... .. Được ban hành theo Đạo luật Thực phẩm B.E. 2522 mang tên "Nguyên liệu pha Trà".
10	G/SPS/N/MYS/47	Malaysia	04/9/2020	Bản sửa đổi đối với biểu thứ mười sáu của Quy định Thực phẩm 1985
11	G/SPS/N/NZL/620/Add.2/Corr.1	Niu Di-lân	08/9/2020	Biện pháp đối với mầm bệnh pospiviroid trên hạt cà chua và hạt giống hoa dạ yến thảo tím để gieo hạt
12	G/SPS/N/TPKM/549	Đài Loan	09/9/2020	Dự thảo tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.
13	G/SPS/N/TPKM/543/Rev.1	Đài Loan	09/9/2020	Dự thảo sửa đổi "Thủ tục công nhận tình trạng không mắc bệnh truyền nhiễm của động vật ở nước ngoài".
14	G/SPS/N/IND/254	Ấn Độ	09/9/2020	Dự thảo Quy định sửa đổi về tiêu chuẩn An toàn thực phẩm (Chất gây ô nhiễm, độc tố và dư lượng), năm 2020 liên quan đến MRL của thuốc trừ sâu, giới hạn tồn dư của kháng sinh và độc tố.

15	G/SPS/N/ CAN/1309/Add.1	Canada	09/9/2020	Giới hạn dư lượng tối đa đã thiết lập: Bixafen
16	G/SPS/N/AUS/433/ Add.4	Úc	09/9/2020	Luật xuất khẩu nông sản - Ban hành Dự thảo quy tắc kiểm soát xuất khẩu đến 2020 - đợt một.
17	G/SPS/N/ARM/30	Armenia	09/9/2020	Dự thảo quyết định của Ủy ban kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi quy định về các yêu cầu chung về thú y (vệ sinh dịch tễ và thú y) đối với hàng hóa thuộc diện kiểm soát thú y (giám sát) và Dự thảo quyết định của Ủy ban kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi mẫu giấy chứng nhận Thú y thông thường để nhập khẩu vào hải quan của Liên minh kinh tế Á-Âu của hàng hóa được kiểm soát từ các nước thứ ba.
18	G/SPS/N/USA/3200	Hoa Kỳ	14/9/2020	Pydiflumetofen; Giới hạn thuốc trừ sâu cho phép. Quy tắc cuối cùng
19	G/SPS/N/UKR/148/ Add.1	Ucraina	14/9/2020	Quy định về mức tối tồn dư đa đối với một số chất gây ô nhiễm trong sản phẩm thực phẩm
20	G/SPS/N/ CHN/1171	Trung Quốc	14/9/2020	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Quy tắc thực hành vệ sinh đối với nuôi cấy thực phẩm vi sinh.
21	G/SPS/N/ CHN/1170	Trung Quốc	14/9/2020	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Vật liệu kim loại và các sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm.
22	G/SPS/N/ CHN/1169	Trung Quốc	14/9/2020	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Đồ uống
23	G/SPS/N/ CHN/1168	Trung Quốc	14/9/2020	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Váng sữa và bột Protein hoàn chỉnh.
24	G/SPS/N/ CHN/1167	Trung Quốc	14/9/2020	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Sữa lên men
25	G/SPS/N/ CHN/1166	Trung Quốc	14/9/2020	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Sữa đã biến tính
26	G/SPS/N/ CHN/1165	Trung Quốc	14/9/2020	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Quy tắc chung về ghi nhãn dinh dưỡng cho thực phẩm đóng gói sẵn.
27	G/SPS/N/ CHN/1150/Add.1	Trung Quốc	14/9/2020	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Mức độ ô nhiễm tối đa trong thực phẩm (GB 2762)
28	G/SPS/N/ CHN/1145/Add.1	Trung Quốc	14/9/2020	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Phô mai và sản phẩm phô mai đã chế biến
29	G/SPS/N/THA/342	Thái Lan	15/9/2020	Cục phát triển chăn nuôi Thái Lan ra lệnh tạm ngừng nhập khẩu lợn nội địa, lợn rừng sống và thịt của chúng từ Việt Nam để ngăn chặn sự lây lan của bệnh Dịch tả lợn châu Phi.
30	G/SPS/N/KAZ/73	Kazakhstan	15/9/2020	Dự thảo quyết định của Ủy ban kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi quy định về các yêu cầu về thú y thông thường (vệ sinh dịch tễ và thú y) đối với hàng hóa thuộc diện kiểm soát thú y (giám sát) và dự thảo quyết định của Ủy ban kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi các mẫu giấy chứng nhận thú y thông thường để nhập khẩu vào hải quan của Liên minh kinh tế Á-Âu của hàng hóa được kiểm soát từ các nước thứ ba.
31	G/SPS/N/ CAN/1335	Canada	15/9/2020	Thông báo về việc sửa đổi danh sách các Enzyme thực phẩm được phép sử dụng enzym thủy phân Protease từ nấm <i>Trichoderma reesei</i> RF8963 trong Protein thực vật, sữa và động vật - Số Tham chiếu: NOM/ADM-0150
32	G/SPS/N/ CAN/1310/Add.1	Canada	15/9/2020	Giới hạn dư lượng tối đa đã thiết lập: Fenpropathrin

33	G/SPS/N/ CAN/1296/Add.1	Canada	15/9/2020	Thông báo về việc sửa đổi danh sách các chất tạo màu được phép sử dụng chiết xuất tảo <i>Spirulina</i> trong các loại thực phẩm khác nhau - Số tham chiếu: NOM/ADM-0152
34	G/SPS/N/ TPKM/466/Rev.1/ Add.1	Đài Loan	16/9/2020	Bản sửa đổi của "Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu sản phẩm cá chưa mổ đông lạnh/bảo quản mát"
35	G/SPS/N/KOR/696	Hàn Quốc	16/9/2020	Dự thảo yêu cầu về sức khỏe nhập khẩu đối với động vật có vú nuôi nhốt hoặc hoang dã
36	G/SPS/N/KOR/212/ Add.15	Hàn Quốc	16/9/2020	Sửa đổi danh sách dịch hại kiểm dịch
37	G/SPS/N/JPN/778	Nhật Bản	16/9/2020	Sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật đối với chất Phytase.
38	G/SPS/N/ CAN/1336	Canada	16/9/2020	Thông báo về việc sửa đổi danh sách các chất tạo ngọt hợp pháp để sử dụng chất Steviol Glycoside từ <i>Saccharomyces cerevisiae</i> Y63348 trong các loại thực phẩm - Số tham chiếu: NOM / ADM-0151.
39	G/SPS/N/BRA/1763	Bờ-ra-xin	16/9/2020	Chỉ thị Quy phạm số 73, ngày 1 tháng 9 năm 2020.
40	G/SPS/N/BRA/1762	Bờ-ra-xin	16/9/2020	Chỉ thị Quy phạm số 67, ngày 1 tháng 9 năm 2020
41	G/SPS/N/USA/3201	Hoa Kỳ	17/9/2020	Quy định cuối cùng về dung sai thuốc trừ sâu đối với chất Tiafenacil
42	G/SPS/N/UKR/137/ Add.1	Ucraina	17/9/2020	Dự thảo Sắc lệnh của Bộ Phát triển Kinh tế, Thương mại và Nông nghiệp Ucraina "Phê duyệt danh mục các chất (nguyên liệu, thành phần) được phép sử dụng trong quá trình sản xuất hữu cơ và số lượng tối đa cho phép được sử dụng"
43	G/SPS/N/ CHN/1172	Trung Quốc	17/9/2020	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm Quốc gia của P.R.C: Mức giới hạn tối đa dư lượng đối với thuốc trừ sâu trong thực phẩm
44	G/SPS/N/ BRA/1700/Add.1	Bờ-ra-xin	17/9/2020	Nghị quyết - RE số 3441, ngày 3 tháng 9 năm 2020, về hoạt chất T32 - TEBUCONAZOL (tebuconazole)
45	G/SPS/N/ BRA/1697/Add.1	Bờ-ra-xin	17/9/2020	Nghị quyết - RE số 3447, ngày 3 tháng 9 năm 2020, về hoạt chất C70 - CLORANTRANILIPROLE
46	G/SPS/N/MMR/7	Myanmar	18/9/2020	Yêu cầu cấp phép nhập khẩu cá sống theo Luật Nuôi trồng thủy sản 1989.
47	G/SPS/N/EU/413	Liên minh Châu Âu	18/9/2020	Dự thảo Quy chế thực hiện của Ủy ban về việc sửa đổi Quy chế thực hiện (EU) số 540/2011 liên quan đến các điều kiện phê duyệt hoạt chất fenpyrazamine
48	G/SPS/N/UKR/150/ Rev.1	Ucraina	21/9/2020	Dự thảo Luật của Ucraina về "Các vật liệu và vật phẩm có tiếp xúc với thực phẩm".
49	G/SPS/N/UKR/149/ Add.1	Ucraina	21/9/2020	Dự thảo Sắc lệnh của Bộ Y tế Ucraina về việc "Phê duyệt các yêu cầu đối với các thông tin về dinh dưỡng và sức khỏe được thực hiện trên các sản phẩm thực phẩm"
50	G/SPS/N/ TPKM/549/Add.1	Đài Loan	21/9/2020	Tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc thú y có trong thực phẩm
51	G/SPS/N/RUS/196	Liên bang Nga	21/9/2020	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu Dự thảo Quyết định về việc sửa đổi "Quy định thủ tục chung về Kiểm soát thú y (Giám sát) tại Biên giới Hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu và trong Lãnh thổ Hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu".
52	G/SPS/N/EGY/115	Ai Cập	21/9/2020	Quyết định của Hội đồng quản trị Cơ quan An toàn thực phẩm quốc gia số 8/2020.
53	G/SPS/N/EGY/114	Ai Cập	21/9/2020	Quyết định của Hội đồng quản trị Cục An toàn thực phẩm quốc gia số 5/2019 về việc đăng ký cơ quan cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm.

54	G/SPS/N/EGY/113	Ai Cập	21/9/2020	Quyết định của Hội đồng quản trị Cục An toàn thực phẩm Quốc gia số 1/2020 về việc ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quản lý cấp giấy chứng nhận hợp lệ cho thực phẩm xuất khẩu.
55	G/SPS/N/EGY/112	Ai Cập	21/9/2020	Quyết định của Hội đồng quản trị Cơ quan An toàn thực phẩm quốc gia (NFSA) số 2/2020 về việc đăng ký cơ quan đánh giá sự phù hợp cấp giấy chứng nhận kiểm tra và hợp quy cho các lô hàng thực phẩm nhập khẩu
56	G/SPS/N/CHN/1173	Trung Quốc	21/9/2020	Thông báo GACC số 103 năm 2020 (Thông báo về việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa khẩn cấp cho các nhà sản xuất nước ngoài, thực phẩm chuỗi lạnh nhập khẩu có kết quả dương tính với axit nucleic Coronavirus mới).
57	G/SPS/N/AUS/505	Úc	21/9/2020	Đề xuất sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ Luật Tiêu chuẩn thực phẩm Úc - Niu Di lân sửa đổi (8 tháng 9 năm 2020).
58	G/SPS/N/KOR/697	Hàn Quốc	22/9/2020	Đề xuất sửa đổi đối với các quốc gia (khu vực) được phép nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi và các yêu cầu vệ sinh nhập khẩu
59	G/SPS/N/TPKM/552	Đài Loan	23/9/2020	Dự thảo Quy định về yêu cầu hạn chế sử dụng và ghi nhãn lá Guayusa (Ilex guayusa) làm nguyên liệu thực phẩm
60	G/SPS/N/SAU/435	Vương quốc Ả Rập Xê Út	23/9/2020	Vương quốc Ả Rập Xê Út / Ngày hết hạn cho các sản phẩm thực phẩm - Phần 1: Ngày hết hạn bắt buộc.
61	G/SPS/N/IND/255	Ấn Độ	23/9/2020	Dự thảo sửa đổi Quy định về Tiêu chuẩn và an toàn thực phẩm (Cấm và hạn chế bán hàng), năm 2011 quy định bổ sung cho chất Indigo Carmine hoặc Brilliant Blue tối đa 10 ppm trong nước đá không ăn được.
62	G/SPS/N/CAN/1338	Canada	23/9/2020	Mức giới hạn tối đa dư lượng được đề xuất: Mandestrobin (PMRL2020-29).
63	G/SPS/N/USA/3203	Hoa Kỳ	25/9/2020	Quy tắc đề xuất về yêu cầu đối với Hồ sơ xác định nguồn gốc bổ sung cho một số loại thực phẩm nhất định;
64	G/SPS/N/TPKM/516/Rev.1/Add.1	Đài Loan	28/9/2020	Việc sửa đổi Điều 8-1 của "Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu động vật và sản phẩm động vật".
65	G/SPS/N/CAN/1340	Canada	28/9/2020	Đề xuất mức giới hạn tối đa dư lượng: Oxathiapiprolin (PMRL2020-31).
66	G/SPS/N/CAN/1314/Add.1	Canada	28/9/2020	Thiết lập giới hạn tối đa dư lượng: Inpyrfluxam
67	G/SPS/N/AUS/506	Úc	28/9/2020	Đánh giá rủi ro an toàn sinh học của tôm nhập khẩu từ tất cả các nước để làm thức ăn cho người - dự thảo báo cáo.
68	G/SPS/N/ARE/206, G/SPS/N/BHR/214 G/SPS/N/KWT/79, G/SPS/N/OMN/111 G/SPS/N/QAT/115, G/SPS/N/SAU/436 G/SPS/N/YEM/56	Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất	30/9/2020	Vương quốc Ả Rập Xê Út / Hội đồng Hợp tác các Quốc gia Ả Rập vùng vịnh dự thảo Quy định kỹ thuật cho "Phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm".



VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Địa chỉ: Toà nhà A3, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024-37344764

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

